

Nguyễn Trường Sơn và Vũ Đình Thống

Nhận Dạng Một Số Loài Dơi ở Việt Nam



WAR
WILDLIFE AT RISK



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Trường Sơn & Vũ Đình Thống

Nhận Dạng Một Số Loài Dơi ở Việt Nam



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

Ảnh bìa:



Dơi quả lười dài/*Eonycteris spelaea*
Ảnh: Nguyễn Trường Sơn



Dơi ma bắc/*Megaderma lyra*
Ảnh: Nguyễn Trường Sơn



Dơi nếp mũi lông vàng/
Hipposideros turpis
Ảnh: Nguyễn Trường Sơn



Dơi cáo nâu/*Rousettus leschenaulti*
Ảnh: Nguyễn Trường Sơn

Bản quyền 2006

Nguyễn Trường Sơn

Phòng Động vật học Cổ xương sống
Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: ++ (84 4) 7562810 và 0913 076511
Fax: ++ (84 4) 8361196

Email: truongson@iebr.vast.ac.vn và soniebr@yahoo.com

Tổ chức Wildlife At Risk Việt Nam

8/9 Đinh Tiên Hoàng - Q.1
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (+84 8) 910 0328 - 910 6126
Fax: (+84 8) 910 6127

Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng liên hệ
theo địa chỉ email của tác giả hay của Wildlife At Risk:
info@wildlifeatrisk.org

Mục lục

Lời cảm ơn	7
Lời tác giả	8
Hướng dẫn sử dụng sách	9
Vai trò của dơi trong hệ sinh thái	10
Dơi ở Việt Nam và tình trạng bảo tồn chúng	11
Một số đặc điểm nhận dạng cho các họ và giống của các loài dơi ghi nhận được	12

Họ Dơi quả - *Pteropodidae* Gray, 1821

1. Dơi ngựa lớn - <i>Pteropus vampyrus</i> (Linnaeus, 1758) Large Flying Fox/Giant Flying Fox	16
2. Dơi ngựa Thái Lan - <i>Pteropus lylei</i> K. Andersen, 1908 Lylei's Flying Fox	17
3. Dơi ngựa bé - <i>Pteropus hypomelanus</i> Temminck, 1853 Lesser Flying Fox/Small Flying Fox/Variable Flying Fox Bat	18
4. Dơi ngựa Cáo xám - <i>Rousettus amplexicaudatus</i> (E. Geoffroy, 1810) Geoffroy's Rousette	19
5. Dơi cáo nâu - <i>Rousettus leschenaulti</i> (Desmarest, 1820) Fulvous fruit bat/Leschnault's Rousette	20
6. Dơi ăn mật hoa - <i>Macroglossus subrinus</i> K. Andersen, 1911 Hill Long-tongued Fruit Bat/Great Long-nosed Fruit Bat	21
7. Dơi chó cánh ngắn - <i>Cynopterus brachyotis</i> (Müller, 1838) Lesser-short-nosed Fruit Bat	22
8. Dơi chó cánh dài - <i>Cynopterus sphinx</i> (Vahl, 1797) Greater Short-nosed Fruit Bat/Common Short-nosed Fruit Bat	23
9. Dơi quả lưới dài - <i>Eonycteris spelaea</i> (Dobson, 1871) Cave Fruit Bat/Lesser Dawn Bat	24
10. Dơi quả núi cao - <i>Sphaerias blanfordi</i> (Thomas, 1891) Blanford's Fruit Bat/Himalayan Fruit Bat	25
11. Dơi quả không đuôi lớn - <i>Megaerops niphanae</i> Yenbutra and Felten, 1983 Tail-less Fruit Bat/Ratanaworabhan's Fruit Bat	26

Họ Dơi ma - *Megadermatidae* Allen, 1864

12. Dơi ma bắc - <i>Megaderma lyra</i> E. Geoffroy, 1810 Greater False Vampire Bat	28
13. Dơi ma nam - <i>Megaderma spasma</i> (Linnaeus, 1758) Lesser False Vampire Bat	29

Họ Dơi bao đuôi - *Emballonuridae* Gervais, 1856

14. Dơi bao đuôi nâu đen - *Taphozous melanopogon* Temminck, 1841
Black-breaded Tomb Bat 32

Họ Dơi lá mũi - *Rhinolophidae* Gray, 1825

15. Dơi lá sa đen - *Rhinolophus borneensis* Peters, 1861
Bornean Houseshoe Bat 34
16. Dơi lá lớn - *Rhinolophus luctus* Temminck, 1835
Woolly Horseshoe Bat/Great Eastern Horseshoe Bat 35
17. Dơi lá rẻ quạt - *Rhinolophus marshalli* Thonglongya, 1973
Marshall's Horseshoe Bat 36
18. Dơi lá quạt - *Rhinolophus paradoxolophus* (Bourret, 1951)
Bourret's Horseshoe Bat/Big-leafed Horseshoe Bat 37
19. Dơi lá tô ma - *Rhinolophus thomasi* K. Andersen, 1905
Thomas Horseshoe Bat 38
20. Dơi lá tai dài - *Rhinolophus macrotis* Blyth, 1844
Big-eared Horseshoe Bat 39
21. Dơi lá rút - *Rhinolophus rouxii* Temminck, 1835
Rufous Horseshoe Bat 40
22. Dơi lá Nam Á - *Rhinolophus stheno* K. Andersen, 1905
Lesser Brown Horseshoe Bat 41
23. Dơi lá mũi nhỏ - *Rhinolophus pusillus* Temminck, 1834
Least Horseshoe Bat 42
24. Dơi lá mũi nhọn - *Rhinolophus acuminatus* Peters, 1871
Acuminatus Horseshoe Bat 43
25. Dơi lá péc xôn - *Rhinolophus pearsoni* Horsfield, 1851
Pearson's Horseshoe Bat 44
26. Dơi lá đuôi - *Rhinolophus affinis* Horsfield, 1823
Intermediate Horseshoe Bat 45
27. Dơi lá Ô gút - *Rhinolophus lepidus* Blyth, 1844
Blyth's Horseshoe Bat 46
28. Dơi lá mũi phẳng - *Rhinolophus malayanus* Bonhote, 1903
North Malayan Horseshoe Bat 47

Họ Dơi nếp mũi - *Hipposideridae* Lydekker, 1891

29. Dơi nếp mũi không đuôi - *Coelops frithii* Blyth, 1848
Tailless leaf-nosed Bat/East Asian Tailless leaf nose Bat 50
30. Dơi nếp mũi Việt nam - *Paracoelops megalotis* Dorst, 1947
Funnel-eared Leaf Nosed Bat/Vietnam Leaf-nosed Bat 51
31. Dơi nếp mũi hình khiên - *Hipposideros lylei* Thomas, 1913
Shield-faced Leaf-nosed Bat 52
32. Dơi nếp mũi lông vàng - *Hipposideros turpis* Bangs, 1901
Great-eared leaf-nosed Bat/Ryukyu Leaf-nosed Bat 53

33. Dơi nếp mũi quạ - <i>Hipposideros armiger</i> (Hodgson, 1835) Great Himalayan Leaf-nosed Bat	54
34. Dơi nếp mũi vương miện - <i>Hipposideros diadema</i> (E. Geoffroy, 1813) Large Malayan Leaf-nosed Bat/Diadem Leaf-nosed Bat	55
35. Dơi nếp mũi xám - <i>Hipposideros larvatus</i> (Horsfield, 1823) Large Round Leaf Horseshoe Bat/Intermediate Leaf-nosed Bat	56
36. Dơi nếp mũi xinh - <i>Hipposideros pomona</i> K. Andersen, 1918 Andersen's Leaf-nose Bat/Pomona Leaf-nose Bat	57
37. Dơi nếp mũi lông đen - <i>Hipposideros cineraceus</i> Blyth, 1853 Least Leaf-nosed Bat/Ashy Leaf-nosed Bat	58
38. Dơi nếp mũi tro - <i>Hipposideros ater</i> Templeton, 1848 Dusky Leaf-nosed Bat	59
39. Dơi nếp mũi ba lá - <i>Aselliscus stoliczkanus</i> (Dobson, 1871) Stoliczka's Asian Trident Bat/Temminck's Asian Trident Bat	60
Họ Dơi muỗi - <i>Vespertilionidae</i> Gray, 1821	
40. Dơi tai lớn - <i>Myotis chinensis</i> (Tomes, 1857) Chinese's Large-footed Bat/Chinese Mouse-eared Bat/Large Myotis	62
41. Dơi tai sọ cao - <i>Myotis siligorensis</i> (Horsfield, 1855) Himalayan whiskered bat/Himalayan Whiskered Myotis	63
42. Dơi tai chân nhỏ - <i>Myotis muricola</i> (Gray, 1846) Nepalese Whiskered Bat/Nepalese Whiskered Myotis	64
43. Dơi ăn thủy sinh - <i>Myotis daubentonii</i> (Kuhl, 1817) Daubenton's Bat/Water Bat/Indochinese Water Bat/Daubenton's Myotis	65
44. Dơi tai cánh ngắn - <i>Myotis horsfieldii</i> (Temminck, 1840) Horsfield's Bat/Horsfield's Myotis	66
45. Dơi tai mặt lông - <i>Myotis annectans</i> (Dobson, 1871) Hairy-faced Bat/Myotis	67
46. Dơi tai chân dài - <i>Myotis ricketti</i> (Thomas, 1894) Rickett's Big-footed Bat/Myotis	68
47. Dơi ngực lớn - <i>Scotophilus heathi</i> (Horsfield, 1831) Common Yellow-bellied Bat/Asiatic Greater Yellow House Bat	69
48. Dơi nâu - <i>Scotophilus kuhlii</i> Leach, 1821 Brown Bat/Lesser Asiatic Yellow Bat	70
49. Dơi chân dẹt thịt - <i>Tylonycteris pachypus</i> (Temminck, 1840) Lesser-club-footed Bat/Lesser Bamboo Bat/Great Flat Headed Bat	71
50. Dơi rô bút - <i>Tylonycteris robustula</i> Thomas, 1915 Greater Club-footed Bat/Great Flat Headed Bat	72
51. Dơi muỗi cổ vàng - <i>Arielulus aureocollaris</i> (Kock & Storch, 1996) Collared Sprite/Thais Evening Bat/Collared Pipistrelle	73
52. Dơi muỗi xây lan - <i>Pipistrellus ceylonicus</i> (Kelaart, 1852) Kelaart's Pipistrelle	74

53. Dơi muỗi nâu - <i>Pipistrellus coromandra</i> (Gray, 1838) Indian Pipistrelle	75
54. Dơi muỗi mắt - <i>Pipistrellus tenuis</i> (Temminck, 1840) Least Pipitrelle	76
55. Dơi muỗi sọ nhỏ - <i>Pipistrellus paterculus</i> Thomas, 1915 Mount Popa Pipistrelle/Burmest Pipistrelle	77
56. Dơi răng cửa lớn - <i>Pipistrellus pulveratus</i> (Peters, 1871) Chinese Pipistrellue	78
57. Dơi mũi ống lông chân - <i>Murina tubinaris</i> (Scully, 1881) Hairy-footed Tube-nosed Bat/Scully's Tube-nosed Bat	79
58. Dơi mũi ống tai tròn - <i>Murina cyclotis</i> Dobson, 1872 Round-eared Tube-nosed Bat	80
59. Dơi mũi nhọn xám - <i>Kerivoula hardwickii</i> (Horsfield, 1824) Hardwickey's Forest Bat/Hardwickey's Wolly Bat	81
60. Dơi mũi nhọn dốm vàng - <i>Kerivoula picta</i> (Pallas, 1767) Painted bat/Paint Wooly Bat	82
61. Dơi dốm hoa - <i>Scotomanes ornatus</i> (Blyth, 1851) Harlequin Bat	83
62. Dơi i ô - <i>la io</i> Thomas, 1902 Great Pipitrelle/evening Bat/Great Evening Bat	84
63. Dơi gập cánh dài - <i>Miniopterus schreibersi</i> (Kuhl, 1817) Schreibers's Long-winged Bat/Common Bent-einged Bat	85
64. Dơi mũi ống cánh lông - <i>Harpiocephalus harpia</i> (Temminck, 1840) Lesser Hairy-winged Bat	86
Các loài Dơi hiện được biết ở Việt Nam	87
Tài liệu tham khảo	90
Thông tin ghi nhận	94

Lời cảm ơn

Các tác giả xin chân thành cảm ơn các cơ quan, tổ chức và cá nhân dưới đây đã giúp đỡ trong quá trình soạn thảo, biên tập và xuất bản cuốn sách này:

- Tổ chức Wildlife At Risk (WAR) đã hỗ trợ tài chính để xuất bản cuốn sách Nhận dạng một số loài dơi ở Việt Nam”, đặc biệt xin chân thành cảm ơn ông Dominic Sciven, Chủ tịch sáng lập tổ chức WAR.
- Các tổ chức đã hỗ trợ kinh phí cho điều tra ngoại nghiệp và cho phép tác giả sử dụng những bức ảnh mô tả loài: dự án PARC Ba Bể/Na Hang, tổ chức Birdlife International Vietnam Program, tổ chức CARE Quốc tế, Dự án GTZ, Chương trình khoa học cơ bản, Chương trình khoa học cấp Bộ, Chương trình Động Vật Chì, các Đề tài khoa học cơ sở thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật..
- Lãnh đạo Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Lãnh đạo Phòng Động vật học Có xương sống đã tạo điều kiện cho tác giả soạn thảo cuốn sách.
- Cục Kiểm lâm và Chi Cục kiểm lâm các tỉnh đã cho phép tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc điều tra trên thực địa cũng như các thủ tục giấy tờ cần thiết để gửi một số mẫu đi phân tích và giám định chính xác tên khoa học của loài tại một số bảo tàng lớn trên thế giới.
- Các đồng nghiệp trong và ngoài nước đã cung cấp các tư liệu quý báu trong quá trình soạn thảo và cho phép các tác giả sử dụng một số hình ảnh minh họa, đặc biệt là Th.S Nguyễn Vũ Khôi (WAR), TS. Paul Bates, Nikki Thomas (Viện Harrison, Anh Quốc), TS. Charles Francis (Viện Động vật hoang dã Canada), TS. Csorba (bảo tàng Lịch sử tự nhiên Hungari), Th.S Darrin Lunde (Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ), TS. Borrisenko, TS. Judit Enger, ông James Knowles (Bảo tàng Hoàng Gia Ontario, Canada), bà Ditte Hendrichsen, ông Benjamin Hayes, ông Jonathan Eames, ông Indraneil Das, ông Neil Furrey, TS. Liang Kong Lin và một số bạn bè đồng nghiệp tại Viện Sinh Thái và Tài Nguyên Sinh vật đã cung cấp thông tin, mẫu vật, ảnh chụp gồm: KS. Phạm Đức Tiến, TS. Trương Văn Lã, KS Hồ Thu Cúc, KS Đặng Huy Phương, Họa sĩ Dương Quốc Anh và sự trợ giúp của Th.S Hà Quý Quỳnh về bản đồ phân bố của mỗi loài.
- Cuối cùng xin chân thành cảm ơn Th.S Nguyễn Thị Thu Anh đã hỗ trợ trong quá trình chỉnh sửa bản thảo và bé Kim Thủy đã là nguồn động viên tinh thần to lớn cho tác giả trong suốt thời gian soạn thảo cuốn sách.

Lời tác giả

Cuốn sách ***"Nhận dạng một số loài dơi ở Việt Nam"*** được soạn thảo nhằm giúp bạn đọc nhận dạng nhanh và tra cứu các thông tin có liên quan về một số loài dơi ở Việt Nam. Tổng số 64 loài dơi đã được lựa chọn để giới thiệu trong cuốn sách này. Một số loài mô tả trong cuốn sách này được luật pháp quốc tế và trong nước bảo vệ; các loài quý hiếm cấp toàn cầu hoặc cấp quốc gia, các loài đặc hữu của Việt Nam, một số loài không thuộc các tiêu chí trên nhưng đang bị săn bắt làm thực phẩm, dược phẩm cũng được mô tả trong cuốn sách này.

Tài liệu này được biên soạn chủ yếu phục vụ những người làm công tác bảo tồn trong các lĩnh vực như nghiên cứu về phân loại, sinh học, sinh thái của các loài dơi, các nhà quản lý trong các khu bảo tồn, các nhà hoạch định chính sách và thực thi pháp luật có liên quan đến bảo vệ và quản lý buôn bán động vật hoang dã trong và ngoài nước. Chúng tôi hi vọng rằng, cuốn sách ***"Nhận dạng một số loài dơi ở Việt Nam"*** sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích bước đầu góp phần cung cấp các thông tin cơ bản phục vụ công tác nghiên cứu và bảo tồn dơi của Việt Nam và trong khu vực. Đồng thời tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc, đặc biệt là các đồng nghiệp để bổ sung, cập nhật các thông tin trong lần tái bản sau.

Hướng dẫn sử dụng sách

Cuốn sách này được soạn thảo nhằm giúp bạn đọc có thể nhận diện những loài dơi thường gặp ở Việt Nam. Thông tin trong mỗi loài được trình bày theo trình tự dưới đây:

Tên Việt Nam : Tên hiện dùng phổ biến trong các tài liệu khoa học.

Tên khoa học : Là tên la tinh hiện được sử dụng chính thức trong các tài liệu khoa học, văn bản luật pháp có liên quan và theo tác giả Don E. Wilson and DeeAnn M. Reeder, 2005.

Tên khác : Tên được dùng ở một số địa phương.

Tên tiếng Anh : Tên hiện được sử dụng phổ biến nhất và theo tài liệu Don E. Wilson and DeeAnn M. Reeder, 2005.

Xác định cấp độ đe dọa của mỗi loài căn cứ vào các tài liệu sau:

- Danh Lục động vật của Công ước CITES (2005).
- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của chính phủ ngày 30/03/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
IB: Thực vật rừng, động vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.
IIB: Thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.
- Danh Lục Đỏ IUCN (2006).
- Sách Đỏ Việt Nam (2000).

Các bậc đe dọa trong Danh Lục Đỏ IUCN (2006)

- CR: cực kỳ nguy cấp, rất nguy cấp.
- EN: nguy cấp.
- VU: sẽ nguy cấp.
- LR: ít nguy cấp
(LR/cd: phụ thuộc bảo tồn, LR/nt: sắp bị đe dọa, LR/lc: ít lo ngại. Mức suy giảm thấp cần sự quan tâm tối thiểu).
- DD: thiếu dẫn liệu.

Các bậc đe dọa theo Sách Đỏ Việt Nam (2000):

- E: đang nguy cấp (đang bị đe dọa tuyệt chủng).
- V: sẽ nguy cấp (có thể bị đe dọa tuyệt chủng).
- R: hiếm (có thể sẽ nguy cấp).

Đặc điểm nhận diện: Mô tả ngắn gọn các đặc điểm nhận biết loài, bao gồm: đặc điểm hình thái ngoài, màu sắc lông, đặc điểm phần phụ mặt, tai, kích cỡ cơ thể, chiều dài cẳng tay.

Nơi sống: cung cấp thông tin về nơi sống và các sinh cảnh thường ghi nhận được của loài.

Thức ăn: Cung cấp các thông tin ghi nhận được về các loại thức ăn mà loài sử dụng.

Mùa sinh sản: Cung cấp các thông tin cơ bản về thời gian mang thai và sinh sản của loài.

Phân bố: Các địa danh ở Việt Nam đã có ghi nhận về loài.

Giá trị sử dụng: Những giá trị hiện biết trong một số lĩnh vực như thực phẩm, dược phẩm, vai trò trong cân bằng hệ sinh thái...

Cách tra cứu:

Bước 1: So sánh với ảnh của các loài trong nhóm để tìm được con vật giống nhất với con vật cần tra cứu.

Bước 2: Đối chiếu các đặc điểm của các thể với phần mô tả về đặc điểm nhận diện.

Bước 3: Tra cứu các thông tin bổ sung sau khi xác định tên loài.